

Số: /2022/ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia là cơ quan thuộc Bộ Công Thương có chức năng tiến hành tổ tụng cạnh tranh, kiểm soát tập trung kinh tế, quyết định việc miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật; tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có tên giao dịch viết bằng tiếng Anh: Viet Nam Competition Commission, viết tắt là VCC.

2. Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. Kinh phí hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Trụ sở chính của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đặt tại Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tham mưu, xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình quốc gia, đề án về cạnh tranh.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành; phát hiện và kiến nghị cơ quan có liên

quan giải quyết theo thẩm quyền về những văn bản đã ban hành có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

4. Về tổ tụng cạnh tranh

a) Phát hiện, xác minh và đánh giá các thông tin, chứng cứ về hành vi có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh;

b) Tiếp nhận, xác minh, đánh giá các thông tin, chứng cứ về hành vi có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh do tổ chức, cá nhân cung cấp; tiếp nhận, xem xét, thụ lý hồ sơ khiếu nại vụ việc cạnh tranh;

c) Tiến hành điều tra vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật;

d) Xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật;

đ) Tiếp nhận, thụ lý, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật;

e) Tham gia tố tụng hành chính liên quan đến quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính;

g) Yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền phối hợp, hỗ trợ quá trình điều tra và xử lý vụ việc cạnh tranh; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc cạnh tranh;

h) Yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

i) Tiến hành hoạt động hợp tác với các cơ quan cạnh tranh của nước ngoài trong quá trình tố tụng cạnh tranh theo quy định của pháp luật;

k) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình điều tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh có dấu hiệu của tội phạm;

l) Tiếp nhận, xem xét đơn xin hưởng khoan hồng, quyết định việc miễn hoặc giảm mức xử phạt theo chính sách khoan hồng theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;

m) Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng một số hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh;

n) Thực hiện các nhiệm vụ khác về tố tụng cạnh tranh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

5. Kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật về cạnh tranh; tiếp nhận, thụ lý và thẩm định hồ sơ thông báo tập trung kinh tế.

6. Tiếp nhận, thụ lý và thẩm định hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện giám sát, phát hiện, xác minh và xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định liên quan đến hành vi gây cản trở cạnh tranh trên thị trường của cơ quan nhà nước và các hành vi bị nghiêm cấm khác có liên quan đến cạnh tranh của tổ chức, cá nhân.

8. Thực hiện công tác quản lý, giám sát đối với hoạt động cạnh tranh trên thị trường.

9. Hợp tác quốc tế nhằm tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về cạnh tranh.

10. Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chính sách, pháp luật về cạnh tranh và chính sách, pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực cạnh tranh.

11. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực cạnh tranh cho tổ chức, cá nhân.

12. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát và thực thi pháp luật cạnh tranh.

13. Tổ chức nghiên cứu khoa học, quản lý và cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

14. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về cạnh tranh của tổ chức, cá nhân.

15. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia đàm phán các nội dung về cạnh tranh trong các điều ước quốc tế về thương mại theo phân công của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

16. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Bộ Công Thương.

17. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ về thi đua, khen thưởng, kỷ luật, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ Công Thương.

18. Quản lý tài chính, tài sản được giao, tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng Bộ Công Thương và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia

1. Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có Chủ tịch và các Phó Chủ tịch
2. Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi tiến hành tố tụng cạnh tranh theo quy định tại Điều 59 Luật Cạnh tranh.

4. Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia bổ nhiệm, miễn nhiệm Thủ trưởng Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh.

5. Trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

6. Phó Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về lĩnh vực công tác được phân công. Phó Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia do Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

Điều 4. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia

1. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia tối đa là 15 người, gồm Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và các thành viên khác. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia là công chức của Bộ Công Thương, các Bộ ngành có liên quan, các chuyên gia và nhà khoa học.

2. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 49 Luật Cạnh tranh. Nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia tham gia Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 61 Luật Cạnh tranh.

5. Các thành viên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, người tiến hành tố tụng cạnh tranh và người tham gia tố tụng cạnh tranh được hưởng chế độ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

Bộ máy giúp việc của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia:

- a) Cơ quan Điều tra vụ việc cạnh tranh;
- b) Ban Thư ký các Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh;

c) Ban Giám sát và quản lý cạnh tranh;

d) Văn phòng Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;

đ) Một số đơn vị khác thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Công Thương thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

e) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia: Trung tâm Thông tin, Tư vấn và Đào tạo.

Cơ quan Điều tra vụ việc cạnh tranh được thành lập 04 phòng; Cơ quan Điều tra vụ việc cạnh tranh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các quy định sau sẽ hết hiệu lực bao gồm:

a) Nghị định số 07/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Cạnh tranh.

b) Quyết định số 24/2015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh.

3. Nghị định này sửa đổi cụm từ “Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng” thành “Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia” tại Khoản 2 Điều 54 và Phụ lục kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

4. Nghị định này sửa đổi cụm từ “Cục Quản lý cạnh tranh” thành “Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia” tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Điểm a Khoản 2 Điều 4 Nghị định 127/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương.

5. Nghị định này sửa đổi cụm từ “Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng” thành “Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia” tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định 54/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thực hiện nhiệm

vụ quản lý nhà nước về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

2. Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn chế độ phụ cấp chức danh của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.

3. Bộ trưởng Bộ Công Thương, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCB; PC; CT.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính